

Quốc Hội thứ 114

Phiên 2D

Số: S. _____

DỰ THẢO LUẬT

về việc áp đặt trừng phạt đối với Trung Quốc liên quan đến các hoạt động ở Biển Đông và Biển Hoa Đông, và vì những mục đích khác,

để Thượng nghị viện và Hạ nghị viện của Quốc hội Mỹ thông qua,

PHẦN 1. TIÊU ĐỀ NGẮN GỌN, MỤC LỤC CỦA ĐẠO LUẬT

- (a) Tiêu đề ngắn – Đạo luật này có thể được trích dẫn là “Đạo luật về trừng phạt liên quan đến Biển Đông và Biển Hoa Đông năm 2016”.
- (b) Mục lục: Mục lục của Đạo luật sẽ được trình bày như sau:
 - Phần 1. Tiêu đề ngắn, mục lục
 - Phần 2. Các kết luận
 - Phần 3. Các định nghĩa
 - Phần 4. Chính sách của Mỹ liên quan đến Biển Đông và Biển Hoa Đông.
 - Phần 5. Quan điểm của Quốc hội Mỹ liên quan đến vấn đề Biển Đông và Biển Hoa Đông.
 - Phần 6. Trừng phạt các pháp nhân Trung Quốc chịu trách nhiệm về các hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông và Biển Hoa Đông.
 - Phần 7. Xác định và báo cáo về các công ty Trung Quốc hoạt động ở Biển Đông và Biển Hoa Đông.
 - Phần 8. Nghiêm cấm xuất bản các tài liệu coi Biển Đông hay Biển Hoa Đông là một phần của Trung Quốc.

Phần 9. Nghiêm cấm hỗ trợ các dự án đầu tư ở Biển Đông và Biển Hoa Đông.

Phần 10. Bộ Tư pháp cần khẳng định không công nhận việc sáp nhập lãnh thổ

Phần 11. Không công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với Biển Đông hay Biển Hoa Đông.

Phần 12. Nghiêm cấm cung cấp viện trợ cho các quốc gia công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với Biển Đông và Biển Hoa Đông

PHẦN 2: CÁC KẾT LUẬN

Quốc hội Hoa Kỳ có một số kết luận sau:

- (1) Theo Chiến lược An ninh biển Châu Á-Thái Bình Dương do Bộ Quốc phòng công bố vào tháng 8, 2015, “Mặc dù Hoa Kỳ không có lập trường đối với các yêu sách chủ quyền lãnh thổ đối với các thực thể địa chất trong khu vực, tất cả những yêu sách trên đều phải bắt nguồn từ đất liền (trong trường hợp đảo có nghĩa là vùng đất được cấu thành tự nhiên trên mặt nước biển vào lúc thủy triều lên cao), và toàn bộ những yêu sách biển phải xuất phát từ những vùng đất như vậy để phù hợp với luật pháp quốc tế.”
- (2) Theo báo cáo thường niên của Bộ Quốc phòng đến Quốc hội Hoa Kỳ về năng lực quân sự của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đệ trình hồi tháng 4/2016, “Trong suốt năm 2015, Trung Quốc tiếp tục khẳng định các tuyên bố chủ quyền lãnh thổ trên những thực thể ở Biển Hoa Đông và Biển Đông. Ở Biển Hoa Đông, Trung Quốc tiếp tục sử dụng các tàu chấp pháp và các máy bay tuần tra trên quần đảo Senkaku (Điếu Ngư) để thách thức yêu sách của Nhật Bản. Ở Biển Đông, Trung Quốc dùng các hoạt động bồi đắp ở quần đảo Trường Sa cuối năm 2015 sau đó lại tiếp tục coi nới thêm vào hơn 3200 acres (mẫu anh) đất trên 7 thực thể mà nước này đang chiếm đóng ở quần đảo này. Mặc dù những đảo nhân tạo này không mang lại cho Trung Quốc

bất cứ quyền lãnh thổ hay đại dương nào ở vùng biển Đông, Trung Quốc sẽ có khả năng tiếp tục sử dụng chúng như là các căn cứ dân sự và quân sự để tăng cường đáng kể sự hiện diện lâu dài trên vùng Biển Đông.

- (3) Ngày 30/5/2015, tại đối thoại Shangri-la của Viện Nghiên cứu chiến lược quốc tế, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Ashton Carter khẳng định rằng “với những hành động của Trung Quốc ở Biển Đông, Trung Quốc đang đi ngược lại các quy tắc và chuẩn mực quốc tế là nền tảng của kiến trúc an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, và sự đồng thuận trong khu vực về ưu tiên dành cho các giải pháp ngoại giao và chống lại các áp bức”.
- (4) Ngày 24/7/2015, Đô đốc Harry Harris, Jr., lưu ý tại một diễn đàn ở Colorado rằng mỗi năm có hơn 5300 tỷ đô la Mỹ giá trị giao thương toàn cầu trên biển đi qua khu vực Biển Đông.
- (5) Vào 4/6/2016, tại Đối thoại Shangri-la, Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng Ashton Carter khẳng định: “Hoa Kỳ sẽ cùng với các đối tác khu vực giữ vững các nguyên tắc cốt lõi, như là tự do di chuyển trên biển và trên không và giải quyết hoà bình các tranh chấp thông qua các công cụ pháp lý và phù hợp với luật pháp quốc tế. Như tôi đã khẳng định năm ngoái, và như Chương trình Bảo đảm tự do hàng hải của Hoa Kỳ đã thể hiện, Hoa Kỳ tiếp tục điều máy bay, tàu thuyền qua lại và hoạt động ở bất cứ nơi đâu luật quốc tế cho phép, đảm bảo rằng bất cứ nước nào ở khu vực đều có thể thực hiện các quyền tương tự.”
- (6) Ngày 12/7/2016, Toà trọng tài thành lập trên cơ sở Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển đưa ra các quyết định với sự thống nhất tuyệt đối trong việc phân xử vụ việc Philippines khiếu nại Trung Quốc. Toà án đã lưu ý rằng quyết định này là chung thẩm và bắt buộc theo quy định của Công ước.
- (7) Cũng theo phán quyết, toà án “kết luận rằng, ở chừng mực mà Trung Quốc có các quyền lịch sử đến các tài nguyên ở trong vùng Biển Đông, các quyền này đã bị huỷ bỏ khi mà chúng không phù hợp với các quy định về vùng đặc

quyền kinh tế trong Công ước. Tòa án kết luận rằng không có bất kỳ cơ sở pháp lý nào để Trung Quốc có thể khẳng định các quyền trong lịch sử đối với tài nguyên trong vùng biển phía trong “đường chín đoạn”.

- (8) Cũng theo quyết định, Tòa trọng tài “cho rằng các đảo ở Trường Sa không thể tạo vùng nước chung như là một quần đảo. Với xác định rằng không một thực thể nào mà TQ yêu sách có khả năng để tạo ra vùng đặc quyền kinh tế riêng, Tòa kết luận rằng không cần phân định ranh giới Tòa vẫn có thể xác định một vài vùng biển thuộc vùng đặc quyền kinh tế của Philippines bởi vì những vùng này không bị chồng lấn với bất cứ vùng nước nào mà Trung Quốc được thụ hưởng.”
- (9) Cũng theo phán quyết, Tòa án “nhận thấy rằng Trung Quốc đã xâm phạm quyền chủ quyền của Philippines ở trong Vùng đặc quyền kinh tế bởi (a) can thiệp vào hoạt động bắt cá và thăm dò dầu mỏ của Philippines, (b) xây dựng các đảo nhân tạo và (c) thất bại trong việc ngăn chặn các tàu cá Trung Quốc đánh bắt trong vùng này. Tòa án cũng cho rằng ngư dân của Philippines (giống như của Trung Quốc) đã có quyền đánh bắt truyền thống ở bãi Scarborough và Trung Quốc đã ngăn chặn những quyền này bằng cách hạn chế tiếp cận. Tòa án cho rằng các tàu thực thi pháp luật của TQ đã hoạt động trái pháp luật, tạo ra rủi ro va chạm nghiêm trọng khi chúng cản trở các tàu của Philippines.”
- (10) Ngày 12/6/2016, Bộ trưởng Bộ ngoại giao CHND Trung Hoa đưa ra một tuyên bố rằng Trung Quốc “tuyên bố phán quyết [của tòa án] là sai trái và vô hiệu và cũng không có ràng buộc thi hành. TQ không chấp nhận và cũng không thừa nhận nó. Chủ quyền lãnh thổ và quyền lợi biển và các lợi ích của Trung Quốc ở Biển Đông sẽ không bị ảnh hưởng bởi các quyết định trên trong bất kỳ trường hợp nào. Trung Quốc phản đối và sẽ không bao giờ chấp nhận bất cứ một thừa nhận hay hành động nào dựa trên những quyết định trên.”

- (11) Ngày 12/7/2016, Chính phủ nước CHND Trung Hoa đưa ra tuyên bố thứ năm dưới danh nghĩa của Chính phủ từ năm 1979 rằng
- a. Khẳng định rằng TQ có chủ quyền trên 4 đảo đá và bãi cát ở Biển Đông
 - b. Khẳng định vùng nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp, một hay nhiều vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa dựa trên yêu sách chủ quyền trên; và
 - c. Tiếp tục khẳng định các quyền lịch sử trên biển Đông;
- (12) Ngày 12/7/2016, Trợ lý Bộ trưởng và người phát ngôn Bộ Ngoại giao Mỹ John Kirby lưu ý rằng “Hoa Kỳ ủng hộ mạnh mẽ thượng tôn pháp luật, chúng tôi ủng hộ các nỗ lực để giải quyết các tranh chấp lãnh thổ và tranh chấp biển ở vùng biển Đông một cách hoà bình, bao gồm thông qua trọng tài. Chúng tôi thúc giục các tất các các bên yêu sách tránh những tuyên bố hay hành động khiêu khích. Phán quyết [của Tòa Trọng tài] có thể và nên được coi là một cơ hội để một lần nữa nỗ lực giải quyết các tranh chấp biển một cách hoà bình.”.
- (13) Ngày 13/3/2016, Thứ trưởng Bộ ngoại giao Trung Quốc, Liu Zhenmin khẳng định việc tuyên bố một vùng nhận dạng phòng không ở Biển Đông sẽ phụ thuộc vào mối đe dọa mà Trung Quốc phải đối mặt và khẳng định rằng “nếu an ninh chúng tôi bị đe dọa, tất nhiên chúng tôi có quyền để thiết lập nó”.
- (14) Ngày 18/7/2016, Không lực của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc khẳng định rằng họ đã tiến hành một “tuần tra chiến đấu” trên khu vực Biển Đông và nó sẽ được tiến hành thường xuyên trong tương lai. Một nhà phát ngôn khẳng định rằng Không lực của Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc “chắc chắn sẽ bảo vệ chủ quyền dân tộc, an ninh và lợi ích trên biển, bảo vệ hoà bình và ổn định khu vực, và đối mặt với nhiều nguy hiểm và thử thách”.

- (15) Ngày 2/8/2016, Toà án nhân dân tối cao của CHND Trung Hoa đưa ra một lý giải luật rằng những người đánh bắt cá trái phép trên vùng biển của Trung Quốc có thể bị bỏ tù đến một năm.
- (16) Ở trong Thoả thuận về đảo Ryukyu và đảo Daito với các thoả thuận liên quan ký tại Washington và Tokyo ngày 17/6/1971 (23 UST 446) giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản (thường được biết như “Hiệp ước Thu hồi Okinawa” (“Okinawa Reversion Treaty”), và Mỹ chấp nhận áp dụng Hiệp ước Hợp tác và An ninh Tương hỗ, với Biên bản thoả thuận và Trao đổi Ghi chú (11 UST 1632), ký tại Washington vào 19/1/1961, giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, về khu vực được nói đến trong “Hiệp ước Thu hồi Okinawa” (“Okinawa Reversion Treaty”), bao gồm cả đảo Senkaku.
- (17) Ngày 30/10/2010, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Hillary Clinton khẳng định rằng “về các đảo Senkaku, Hoa Kỳ chưa bao giờ có lập trường về chủ quyền đối với các đảo này, nhưng chúng tôi đã tuyên bố rõ ràng rằng những hòn đảo là một phần của nghĩa vụ trong hiệp ước tương hỗ, và nghĩa vụ để bảo vệ Nhật Bản”.
- (18) Tháng 4 năm 2014, Tổng thống Barack Obama khẳng định, chính sách của Hoa Kỳ rất rõ ràng – quần đảo Senkaku được quản lý bởi Nhật Bản và nằm trong phạm vi của Điều khoản 5 của Hiệp ước Hợp tác và An ninh chung Mỹ-Nhật. Và chúng tôi phản đối bất cứ các nỗ lực đơn phương phá hoại sự quản lý của Nhật Bản đối với các đảo trên.”.

PHẦN 3. ĐỊNH NGHĨA

Trong đạo luật này:

- (1) TÀI KHOẢN, TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG, TÀI KHOẢN TRUNG CHUYỂN. Những khái niệm trên có ý nghĩa được đưa ra bởi những khái niệm trong phần 5318A của điều 31, Bộ luật Hoa Kỳ

- (2) Các Ủy ban Quốc hội liên quan. Thuật ngữ này nghĩa là
- Ủy ban đối ngoại, Ủy ban Quân vụ, Ủy ban Ngân hàng, Nhà ở và Đô thị và Ủy ban đặc biệt về Tình báo của Thượng viện; và
 - Ủy ban đối ngoại, Ủy ban quân vụ, Ủy ban Tài chính, và Ủy ban thường trực về Tình báo của Hạ viện
- (3) PHÁP NHÂN TRUNG QUỐC. Thuật ngữ này có nghĩa là
- một cá nhân là công dân hoặc mang quốc tịch của CHND Trung Hoa; hoặc
 - một tổ chức được hình thành theo pháp luật của CHND Trung Hoa hoặc chịu sự quản lý của Chính phủ CHND Trung Hoa.
- (4) THIẾT CHẾ TÀI CHÍNH. Thuật ngữ này nghĩa là một tổ chức tài chính được chỉ định rõ trong các tiểu đoạn (A), (B), (C), (D), (E), (F), (G), (H), (I), (J), (K), (M), (N), (P), (R), (T), (Y), hoặc (Z) của phần 5312(a)(2) điều 31, Bộ luật Hoa Kỳ
- (5) THIẾT CHẾ TÀI CHÍNH NƯỚC NGOÀI. Thuật ngữ này được định nghĩa trong phần 1010.605 của điều 31, Bộ luật các Quy định Liên bang (hoặc bất cứ những quy định nào tương tự liên quan).
- (6) CÓ CHỦ Ý. Thuật ngữ “có chủ ý” (knowingly), liên quan đến hành xử, một hoàn cảnh, hay một kết quả, có nghĩa là một người có hiểu biết thực sự, hoặc có thể biết, về cách hành xử, hoàn cảnh hoặc kết quả.
- (7) PHÁP NHÂN. Thuật ngữ này có nghĩa là bất cứ cá nhân hay tổ chức nào.
- (8) PHÁP NHÂN HOA KỲ. Thuật ngữ này có nghĩa là
- Một công dân Hoa Kỳ hay một người nước ngoài được chấp nhận cư trú lâu dài ở Hoa Kỳ một cách hợp pháp; hoặc
 - Một tổ chức thành lập theo pháp luật của Hoa Kỳ, hoặc bất cứ cơ quan thẩm quyền nào của Hoa Kỳ, bao gồm cả chi nhánh nước ngoài của cơ quan đó.

PHẦN 4. CHÍNH SÁCH CỦA MỸ VỀ BIỂN ĐÔNG VÀ BIỂN HOA ĐÔNG

Chính sách của Mỹ là:

- (1) ủng hộ nguyên tắc rằng tranh chấp giữa các quốc gia cần phải được giải quyết một cách hòa bình phù hợp với luật pháp quốc tế;
- (2) tái khẳng định lại cam kết vững vàng của Mỹ và ủng hộ các đồng minh và đối tác ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, bao gồm cả chính sách lâu đời của Mỹ:
 - (A) về Điều V Hiệp ước Tương trợ Quốc phòng, được ký kết tại Washington vào ngày 30/8/1951 (3 UST 3947), giữa Mỹ và Philippines; và
 - (B) rằng Điều V của Thỏa thuận Tương trợ Quốc phòng, cùng với các Phụ lục, được ký kết tại Tokyo vào ngày 3/8/1954 (5 UST 661), giữa Mỹ và Nhật Bản, áp dụng đối với quần đảo Senkaku do Nhật Bản quản lý; và
- (3) ủng hộ nguyên tắc tự do qua lại trên biển và tiếp tục sử dụng không gian biển và không phận tại bất cứ nơi nào luật pháp quốc tế cho phép.

PHẦN 5. QUAN ĐIỂM CỦA QUỐC HỘI ĐỐI VỚI BIỂN ĐÔNG VÀ HOA ĐÔNG

Quốc hội nhận thức rằng:

- (1) Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không thể và không được phép can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào đối với vấn đề sử dụng các vùng biển và vùng không phận ở Biển Đông và Biển Hoa Đông bằng tàu và máy bay quân sự và dân sự của tất cả các quốc gia khi đang hoạt động phù hợp với luật pháp quốc tế;

- (2) Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không được phép tiếp tục theo đuổi các yêu sách trái với luật pháp và quân sự hóa khu vực có vai trò thiết yếu đối với an ninh toàn cầu; và
- (3) Mỹ cần:
- (A) Tiếp tục và mở rộng hoạt động tự do hàng hải và quyền bay qua;
 - (B) Xem xét lại chính sách truyền thông không đứng về bên yêu sách cụ thể nào trong tranh chấp; và
 - (C) Phản ứng đối với các hành động khiêu khích của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bằng các hành động tương ứng, đó là áp đặt cái giá phải trả đối với bất kỳ nỗ lực hành động nào làm xói mòn an ninh trong khu vực;
- (4) Quần đảo Senkaku thuộc Điều V Thỏa thuận Tương trợ Quốc phòng cùng với các Phụ lục, được ký tại Tokyo vào ngày 8/3/1954 (5 UST 661) giữa Mỹ và Nhật Bản; và
- (5) Mỹ cần kiên quyết phản đối mọi hành động đơn phương của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nhằm làm xói mòn sự kiểm soát của Nhật Bản đối với quần đảo Senkaku.

PHẦN 6. TRỪNG PHẠT ĐỐI VỚI CÁC PHÁP NHÂN TRUNG QUỐC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG QUỐC Ở BIỂN ĐÔNG VÀ HOA ĐÔNG

- (a) **ÁP ĐẶT LỆNH TRỪNG PHẠT BAN ĐẦU.** Trong và sau 60 ngày sau khi ban hành Đạo luật này, Tổng thống Mỹ sẽ áp đặt các lệnh trừng phạt như mô tả trong mục (b) về:

- (1) Mọi pháp nhân của Trung Quốc tham gia vào hoạt động xây dựng hay các dự án phát triển, bao gồm hoạt động bồi đắp đất, xây đảo, công trình hải đăng, xây dựng các trạm phục vụ thông tin liên lạc di động, xây dựng các công trình tiếp nhiên liệu và phát điện, hay các dự án cơ sở hạ tầng dân sự tại các khu vực tranh chấp với một hay nhiều hơn tranh chấp đối với các thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ở Biển Đông;
- (2) Mọi pháp nhân của Trung Quốc có trách nhiệm, hoặc đồng lõa, hoặc tham gia, trực tiếp hay gián tiếp, có hành động hay chính sách đe dọa đến hòa bình, an ninh, hay ổn định tại các khu vực ở Biển Đông mà một hay nhiều quốc gia Đông Nam Á có tranh chấp hay ở các khu vực ở Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý, bao gồm việc sử dụng các tàu và máy bay để áp đặt chủ quyền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tại các khu vực đó.
- (3) Mọi pháp nhân của Trung Quốc tham gia, hay có cố gắng tham gia, vào hoạt động hay thực hiện giao dịch, mà thực sự góp phần tạo ra, hoặc trực tiếp tạo ra nguy cơ dẫn đến hành động được mô tả ở đoạn (1) và (2); và
- (4) Bất cứ pháp nhân nào:
- (A) bị quản lý hay kiểm soát bởi một pháp nhân được mô tả ở đoạn (1), (2) và (3);
 - (B) Đang hành động cho hoặc thay mặt cho pháp nhân như vậy; hay
 - (C) Cung cấp, hay đã cố gắng cung cấp:

- (i) Tài chính, vật chất, kỹ thuật hay sự hỗ trợ khác cho một pháp nhân được mô tả ở đoạn (1), (2) và (3); hay
 - (ii) Hàng hóa hoặc dịch vụ hỗ trợ cho một hoạt động được mô tả trong đoạn (1), (2) hoặc (3).
- (b) CÁC LỆNH TRỪNG PHẠT ĐƯỢC QUY ĐỊNH. –
- (1) PHONG TỎA TÀI SẢN. – phù hợp với các quy định của Đạo luật Sử dụng Sức mạnh Kinh tế trong Tình huống Quốc tế Khẩn cấp (50 U.S.C. 1701 và tiếp theo), Tổng thống sẽ phong tỏa mọi giao dịch liên quan tới tất cả tài sản và quyền lợi về tài sản của mọi cá nhân ở mục (a) nếu như nguồn tài sản và quyền lợi và tài sản đó ở Mỹ, xuất phát từ Mỹ hay xuất phát từ sở hữu hay kiểm soát của một cá nhân người Mỹ.
 - (2) TRỰC XUẤT KHỎI MỸ. – Bộ Ngoại giao Mỹ sẽ từ chối thị thực, và Bộ An ninh Nội địa sẽ trực xuất ra khỏi Mỹ mọi cá nhân theo mục (a) là một người nước ngoài.
 - (3) THU HỒI THỊ THỰC HIỆN TẠI. – quan chức lãnh sự, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hay Bộ trưởng An ninh Nội địa (hay với người làm trong các vị trí tương tự) sẽ thu hồi mọi thị thực hay giấy nhập cảnh đã được cấp cho các cá nhân thuộc mục (a) là một người nước ngoài, bất kể là được cấp khi nào. Việc thu hồi sẽ có hiệu lực tức thì và sẽ tự động hủy bỏ đối với mọi thị thực hay giấy nhập cảnh còn hiệu lực thuộc sở hữu người nước ngoài.
- (c) CÁC NGOẠI LỆ VÀ HÌNH PHẠT. –
- (1) KHÔNG ÁP DỤNG VỚI YÊU CẦU VỀ XỬ LÝ TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP QUỐC GIA. Các yêu cầu của phần 202 trong Đạo

luật Sử dụng Sức mạnh Kinh tế trong Tình huống Quốc tế Khẩn cấp (50 U.S.C. 1701) sẽ không áp dụng với các mục đích của mục (b)(1).

(2) PHÙ HỢP VỚI THỎA THUẬN VỀ TRỤ SỞ CỦA LIÊN HỢP QUỐC. Đoạn (2) và (3) mục (b) sẽ không áp dụng nếu như việc nhập cảnh vào Mỹ mà theo Mỹ đó là điều cần thiết phù hợp với Thỏa thuận về Trụ sở của Liên Hợp Quốc, được ký kết tại Lake Success vào ngày 26/6/1947, và có hiệu lực từ ngày 21/11/1947 giữa Liên Hợp Quốc và Mỹ.

(3) CÁC HÌNH PHẠT – Các hình phạt theo quy định ở mục (b) và (c), phần 206 của Đạo luật Sử dụng Sức mạnh Kinh tế trong Tình huống Quốc tế Khẩn cấp (50 U. S.C. 1705) cần áp dụng đối với các cá nhân vi phạm, cố tình vi phạm, âm mưu vi phạm, hay gây ra sự vi phạm theo các quy định trong mục (b) (1) cùng với mức độ mà các hình phạt này áp dụng cho một cá nhân có hành vi vi phạm được mô tả trong mục (a) của phần 206.

(d) ÁP ĐẶT TRỪNG PHẠT BỔ SUNG –

(1) QUY ĐỊNH CHUNG – Tổng thống phải nghiêm cấm việc thiết lập, và cấm hay áp đặt các điều kiện ngặt nghèo đối với việc duy trì một tài khoản đối ứng hoặc tài khoản trung chuyển đối với tổ chức tài chính nước ngoài tại Mỹ mà Tổng thống đã xác định là đã tiến hành có chủ ý hoặc tạo điều kiện cho việc chuyển khoản tài chính quan trọng cho một pháp nhân, trong hoặc sau 60 ngày kể từ khi ban hành Đạo luật này, được quy định theo mục (a) nếu Giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc gia xác định rằng Trung Quốc đã –

- (A) tuyên bố vùng nhận dạng phòng không ở bất kỳ phần nào của Biển Đông;
- (B) tiến hành công tác cải tạo đảo tại các khu vực tranh chấp khác ở Biển Đông, như Bãi cạn Scarborough;
- (C) nắm quyền kiểm soát Bãi Cỏ Rong;
- (D) triển khai tên lửa đất đối không đến bất kỳ đảo nhân tạo nào mà Trung Quốc xây dựng ở Chuỗi đảo Trường Sa, bao gồm Đá Chữ Thập, Vành khăn và Subi;
- (E) thiết lập đường cơ sở lãnh thổ xung quanh chuỗi đảo ở Trường Sa;
- (F) gia tăng va chạm với các tàu của Philippines; hay
- (G) gia tăng các hoạt động gây hấn với Lực lượng tuần duyên Nhật Bản, Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản và quân đội Mỹ ở Biển Hoa Đông.

(2) BÁO CÁO –

- (A) QUY ĐỊNH CHUNG – quyết định của Giám đốc Cơ quan Tình báo Quốc gia được đề cập đến trong đoạn (1) cần được đệ trình dưới dạng báo cáo lên Tổng thống và các ủy ban liên quan của Quốc hội.
- (B) HÌNH THỨC BÁO CÁO – Báo cáo được yêu cầu như trong đoạn (A) kể trên cần được đệ trình dưới hình thức công khai, nhưng nên bao gồm một phụ lục mật.

PHẦN 7. NHẬN DIỆN VÀ BÁO CÁO VỀ CÁC CÔNG TY CỦA TRUNG QUỐC ĐANG HOẠT ĐỘNG Ở BIỂN ĐÔNG VÀ HOA ĐÔNG

(a) QUY ĐỊNH CHUNG - Ngoại trưởng Mỹ sẽ đệ trình lên các ủy ban liên quan thuộc Quốc hội một báo cáo về các pháp nhân mà Ngoại trưởng Mỹ xác định là có dính líu đến các hoạt động được miêu tả tại phần 6(a).

(b) XEM XÉT. – Trong quá trình chuẩn bị báo cáo được yêu cầu chiếu theo mục

(a), Ngoại trưởng Mỹ sẽ đưa ra các kết luận cụ thể có liên quan tới –

- (1) Công ty trách nhiệm hữu hạn Nạo vét CCCC Thiên Tân;
- (2) Công ty (Tổng công ty) trách nhiệm hữu hạn Nạo vét CCCC;
- (3) Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Truyền thông Trung Quốc (CCCC);
- (4) Công ty cổ phần Trung Quốc (Tổng công ty Sinopec);
- (5) Tập đoàn Mạng di động Trung Quốc;
- (6) Tập đoàn Viễn thông Trung Quốc;
- (7) Tập đoàn Lưới điện miền Nam Trung Quốc;
- (8) Công ty Phát triển Cảng biển Quảng Châu CNFC;
- (9) Hiệp hội Xây dựng Dự án Bắc Tràm Giang;
- (10) Tổng công ty Xây dựng Hồ Bắc Giang Thiên;
- (11) Công ty Phát triển Cảng biển Trung Quốc (CHEC);
- (12) Tập đoàn Hàng hải Quảng Đông (GNG) về Vận tải Biển;
- (13) Công ty Vận tải Năng lượng Hàng đầu Thượng Hải ;
- (14) Tổng công ty Dầu khí Ngoài khơi Trung Quốc (CNOOC);
- (15) Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu mỏ Trung Quốc (COSL);
- (16) Tập đoàn Xuất nhập khẩu Thiết bị Trung Quốc (CPMIEC);
- (17) Tập đoàn Công nghiệp và Khoa học vũ trụ Trung Quốc (CASIC);
- (18) Tập đoàn Công nghiệp Hàng không Trung Quốc (AVIC);
- (19) Tập đoàn Máy bay Thẩm Dương;
- (20) Công ty cổ phần Máy bay Thiểm Tây;
- (21) Tổng công ty Vận chuyển trên biển Trung Quốc (COSCO);
- (22) Hãng hàng không Nam Trung Quốc;

- (23) Zhan Chaoying;
- (24) Tổng công ty Sany; và
- (25) Các pháp nhân Trung Quốc có liên quan.

(c) **BÁO CÁO VÀ HÌNH THỨC.** –

(1) **BÁO CÁO.** – Báo cáo theo mục (a) sẽ được đệ trình không quá 60 ngày sau ngày ban hành Đạo luật này và cứ mỗi 180 ngày sau 3 năm sau kể từ ngày ban hành Đạo luật này.

(2) **HÌNH THỨC.** – Báo cáo theo mục (a) sẽ được đệ trình công khai, nhưng có thể bao gồm một phụ lục mật nếu Ngoại trưởng Mỹ xác định là cần thiết vì lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ.

(3) **CÁC HÌNH THỨC CÔNG KHAI.** – Ngoại trưởng Mỹ sẽ công bố phần công khai của báo cáo theo mục (a) tại website công khai của Bộ ngoại giao Mỹ.

PHẦN 8. NGHIÊM CẤM XUẤT BẢN, LƯU HÀNH TÀI LIỆU COI BIÊN ĐÔNG HOẶC HOA ĐÔNG LÀ MỘT PHẦN CỦA TRUNG QUỐC

Văn phòng Xuất bản Chính phủ sẽ không công bố bất cứ bản đồ, tài liệu, văn kiện hay các nguồn tài liệu điện tử hoặc các văn bản khác của Mỹ (ngoại trừ các tài liệu có liên quan tới các buổi điều trần tổ chức bởi các ủy ban của Quốc hội hay các nghiên cứu nội bộ của một cơ quan Liên bang) có miêu tả hoặc cho thấy lập trường của Mỹ rằng lãnh thổ hay vùng trời đang tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc không phận của các khu vực ở Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý là một phần lãnh thổ hay không phận của Trung Quốc.

PHẦN 9. NGHIÊM CẤM HỖ TRỢ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TẠI BIỂN ĐÔNG HOẶC BIỂN HOA ĐÔNG

(a) **QUY ĐỊNH CHUNG.** – Không cho phép các pháp nhân Mỹ chấp thuận, tạo điều kiện, hỗ trợ tài chính hoặc bảo đảm, hoặc cung cấp bảo hiểm hay thanh

toán bảo hiểm cho các hoạt động đầu tư tại Biển Đông hay Hoa Đông liên quan đến các pháp nhân là đối tượng của lệnh trừng phạt được áp dụng theo phần 6(a).

- (b) THỰC THI. – Bộ trưởng Tài chính Mỹ, sau khi tham vấn với Ngoại trưởng Mỹ được phép tiến hành các biện pháp, bao gồm việc thông qua các quy tắc và quy định, cần thiết để thực hiện các mục đích của phần này.
- (c) CÁC HÌNH PHẠT. – Các hình phạt được đưa ra cho mục (b) và (c) của phần 206 của Đạo luật Sử dụng Sức mạnh Kinh tế cho các Tình huống Khẩn cấp Quốc tế (50 U.S.C. 1750) sẽ được áp dụng cho cá nhân nào vi phạm, cố tình vi phạm, âm mưu vi phạm hoặc trực tiếp vi phạm với các quy định trong phần này tới với mức độ tương tự với những hình phạt áp dụng cho cá nhân vi phạm luật được quy định ở mục (a) của phần 206.
- (d) NGOẠI LỆ. – Mục (a) sẽ không được áp dụng với các hoạt động hỗ trợ nhân đạo, hỗ trợ giải quyết thảm họa hoặc hỗ trợ lương thực khẩn cấp.

PHẦN 10. BỘ TƯ PHÁP KHẲNG ĐỊNH KHÔNG CÔNG NHẬN VIỆC SÁP NHẬP LÃNH THỔ

Trong bất kỳ vấn đề nào trước các tòa án tại Mỹ, theo yêu cầu của tòa hay yêu cầu của bất cứ bên nào liên quan đến vấn đề trên, Bộ trưởng Tư pháp Hoa Kỳ sẽ khẳng định chính sách của Mỹ là không công nhận chủ quyền pháp lý hoặc trên thực tế của Trung Quốc đối với lãnh thổ hay vùng trời đang trong tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc không phận của các khu vực trong Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý.

PHẦN 11. KHÔNG CÔNG NHẬN CHỦ QUYỀN CỦA TRUNG QUỐC Ở BIỂN ĐÔNG HAY BIỂN HOA ĐÔNG

(a) Các Lực lượng Vũ trang Mỹ - Bộ trưởng Quốc phòng không được thực hiện bất kỳ hành động nào, bao gồm cả các hành trình của máy bay hay tàu chiến, hàm ý về công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với lãnh thổ hay vùng không

phận đang tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc vùng không phận của Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý.

(b) Tàu mang cờ Mỹ - các tàu được cấp giấy đăng ký theo chương 121 của Điều 46, Bộ luật Mỹ, không được thực hiện các hoạt động hàm ý công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với lãnh thổ hay vùng không phận đang tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc không phận của các khu vực ở Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý.

(c) Máy bay Mỹ - các máy bay, hoạt động dưới sự quản lý của các hãng hàng không được cấp giấy chứng nhận theo Chương 411, Điều 49, Bộ luật Mỹ không được thực hiện các hoạt động hàm ý công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với lãnh thổ hay vùng không phận đang tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc vùng không phận của các khu vực ở Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý.

PHẦN 12. NGHIÊM CẤM CUNG CẤP VIỆN TRỢ CHO CÁC QUỐC GIA CÔNG NHẬN CHỦ QUYỀN CỦA TRUNG QUỐC Ở BIỂN ĐÔNG VÀ BIỂN HOA ĐÔNG

(a) **NGHIÊM CẤM** – trừ những điều được quy định trong mục (c) dưới đây, không có khoản ngân sách nào nào buộc phải hoặc được dùng cho việc cung cấp viện trợ nước ngoài cho chính phủ của bất kỳ quốc gia nào được xác định trong báo cáo được yêu cầu bởi mục (b) dưới đây.

(b) CẦN CÓ BÁO CÁO

(1) **YÊU CẦU CHUNG** – không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày ban hành Đạo luật này, và cứ mỗi 180 ngày sau 3 năm kể từ ngày ban hành, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cần đệ trình lên một ủy ban liên quan của quốc hội một bản báo cáo xác định từng quốc gia mà Bộ trưởng xác nhận là, sau ngày ban hành Đạo luật này, đã công nhận chủ quyền

của Trung Quốc đối với lãnh thổ hay vùng không phận đang trong tranh chấp với một hay một vài quốc gia thành viên ASEAN ở Biển Đông hay lãnh thổ hoặc vùng không phận của các khu vực ở Biển Hoa Đông do Nhật Bản quản lý.

(2) HÌNH THỨC BÁO CÁO – Báo cáo theo yêu cầu của điều (1) cần phải được đệ trình công khai, nhưng có thể bao gồm một phụ lục mật nếu Bộ trưởng Ngoại giao cho rằng điều này là cần thiết đối với an ninh quốc gia Mỹ.

(3) CÔNG BỐ - Bộ trưởng Ngoại giao cần công bố những mục công khai trong báo cáo theo yêu cầu của điều (1) trên trang web công khai của Bộ Ngoại giao Mỹ.

(c) NGOẠI LỆ - Mục này không áp dụng đối với Đài Loan, hỗ trợ nhân đạo, hỗ trợ đối phó với thảm họa, hỗ trợ lương thực khẩn cấp hay Đội Hòa bình Mỹ (Peace Corps.)

My Anh (dịch)

Thanh Hải (hiệu đính)

Bài gốc tiếng Anh đọc [tại đây](#).

Bài dịch thuộc bản quyền Nghiên cứu Biển Đông. Đề nghị chỉ được dẫn đường link, không đăng lại khi chưa có sự đồng ý của Ban Biên tập.